TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05-02-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2024/ TLST-HNGĐ ngày 30-01-2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 25/2024/QĐPH-ST ngày 31-01-2024, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh G, sinh năm 1982. Quốc tịch: Ý. Hộ chiếu số ********* do Đại sứ quán nước I tại Hà Nội cấp ngày 04-01-2024. Địa chỉ: huyện L, Thành phố Hà Nội.

- Chị N, sinh năm 1992. Căn cước công dân số ********** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04-3-2022. Nơi ĐKNKTT: huyện S, tỉnh Q. Địa chỉ hiện nay: phường O, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền nhận văn bản của Chị N: Chị B, sinh năm 1977; CCCD số ********** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-7-2021; Nơi thường trú: quận T, Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền lập ngày 24-01-2024 tại Văn phòng công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Anh G có mặt.

Người phiên dịch: Chị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: quận V, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh G và Chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08-11-2022 tại Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại huyện L, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa hợp. Nguyên nhân và do bất đồng quan điểm

về tính cách và quan điểm sống, khác biệt về văn hóa, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải, hàn gắn nhưng hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4-2023, Chị N vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn liên hệ, chia sẻ, quan tâm đến nhau nữa. Nay anh chị đều nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, còn tình cảm với nhau nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Anh G tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang công tác ở thành phố Hồ Chí Minh và ủy quyền cho Chị B nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Anh G có mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Chị B có mặt, đồng ý nhận các văn bản tố tụng theo sự ủy quyền của Chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về lệ phí: Mỗi đương sự phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là Anh G là người nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho Chị B nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh G và Chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08-11-2022 tại Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, văn hóa, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 4-2023, Chị N đã vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn liên quan gì đến nhau nữa. Nay, Anh G và Chị N đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh G và Chị N đều xác định vợ chồng không có con chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh G và Chị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh G và Chị N. Anh G và Chị N chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh G và Chị N đều xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh G và Chị N đều xác định không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh G và Chị N mỗi người phải chịu 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền mỗi người 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí đã cùng nộp theo Biên lai thu tiền số 0023017 ngày 30-01-2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ghi nhận Anh G và Chị N đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05-02-2024./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *Cục THADS TP.HN;*
- *UBND huyện L, TP.Hà Nội;*
- *Người yêu cầu;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện